

Bản án số: 103/2022/HS-ST
Ngày 16 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;

Ông Trần Văn Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 118/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022, đối với:

- **Bị cáo:** Hồ Anh T, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1987 tại tỉnh Đ; nơi đăng ký thường trú: Ấp R, phường B, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Khu phố 1, phường X, thành phố L, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; tiền án: Bị xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 13/2014/HSST ngày 27/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; Bị xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 38/2019/HS-ST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Ngọc Anh M, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Ấp HH, xã Đ1, huyện T, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa;

- **Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Ngày 29/7/2020, Hồ Ánh T đến tiệm cầm đồ “T” do chị Nguyễn Thị D làm chủ ở ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đ để thuê xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B2-669.47 làm phương tiện đi lại. Sau đó, T nhặt được 01 biển số xe mô tô số 60B5-449.63 nên đã tự ý tháo biển số 60B2-669.47 rồi gắn biển số 60B5-449.63 vào xe mô tô Honda Vision thuê của chị D, còn biển số 60B2-669.47 T cất vào cốp xe mô tô.

Khoảng 09 giờ ngày 27/8/2020, T nhờ Nguyễn Thị Hồng N (là bạn của T) sử dụng xe mô tô biển số 60B5-449.63 để chở T từ nhà trọ tại phường X, thành phố L đến Bệnh viện T, Thành phố H1 để khám bệnh thì N đồng ý. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đến khu vực ấp H, xã Đ1, huyện T, tỉnh Đ thì T và N dừng ở tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Ngọc Anh M để mua bánh. Khi vào trong tiệm, T phát hiện chị M để chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A21S màu trắng trên kệ hàng hóa nên T đã trộm cắp chiếc điện thoại Samsung A21S của chị M giấu vào trong túi áo khoác, sau đó T nhờ N trả tiền mua bánh rồi nói N tiếp tục chở T đi. Đi được khoảng 200 mét T nói cho N biết mới trộm cắp điện thoại của chị M và nói N điều khiển xe rẽ vào Khu công nghiệp B, huyện T để tránh sự truy đuổi của chị M thì N làm theo. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị H, ở ấp 1 xã S, huyện T thì T nói N dừng xe để mua nước uống, N dừng xe trước tiệm tạp hóa của chị H rồi cả hai cùng đi bộ vào trong để mua nước uống, tại đây N phát hiện chị H để 269.000 đồng và 31 thẻ nạp tiền điện thoại nhiều mệnh giá (có tổng giá trị là 1.070.000 đồng) trong túi áo khoác đặt trên chiếc quạt hơi nước trong tiệm nên N nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng lúc chị H đang bán hàng cho T không để ý, N đã lén lút trộm cắp tiền và thẻ nạp tiền điện thoại trong túi áo của chị H rồi đi ra ngoài, lúc này chị H đứng lên thấy N đi từ nơi để tiền ra nên nghi ngờ vào kiểm tra thì phát hiện tiền và thẻ nạp tiền điện thoại trong túi áo khoác của mình bị mất nên hỏi N và T thì cả 02 không thừa nhận. Sau đó, N đi lại nơi để tiền của chị H giả vờ nói chuyện với chị H rồi bí mật để lại tiền và thẻ nạp tiền điện thoại mới trộm cắp vào chỗ cũ rồi đi ra dắt xe bỏ đi, chị H đuổi theo và truy hô mọi người bắt giữ N và T, kiểm tra xe mô tô Honda Vision gắn biển số 60B5-449.63 của T thì phát hiện 01 điện thoại di động Samsung A21S màu trắng tình trạng đã tắt nguồn và 01 biển số xe mô tô số 60B2-669.47 ở trong cốp xe. Sau đó chị H đã báo cho Công an xã S đến lập hồ sơ ban đầu bàn giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, T và N khai nhận hành vi trộm cắp của mình như trên. Tuy nhiên, khi trộm cắp tài sản N và T không bàn bạc, rủ rê nhau, việc T trộm cắp điện thoại di động hiệu Samsung A21S màu trắng của chị M thì N không biết, còn việc N trộm cắp tiền và thẻ nạp tiền điện thoại di động của chị H thì T không biết (Bút lục số: 69-84; 101-120).

2. Vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 60B2-669.47, số máy: JF86E0254810, số khung: 5826KY020179;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S màu trắng, IMEI: 351662/61/048064/4, gắn sim số 0964.455.597 là tài sản của chị Nguyễn Ngọc Anh My;

- Số tiền 269.000 đồng và 31 thẻ cào nhiều mệnh giá (gồm 08 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 10 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 02 thẻ cào Vietnam Mobile mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ cào Mobile mệnh giá 50.000 đồng, 06 thẻ cào Mobile mệnh giá 20.000 đồng tất cả đều chưa qua sử dụng (tổng trị giá là 1.070.000 đồng) là tài sản của chị Nguyễn Thị H;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh, xám, IMEI: 357413/04/487498/3 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 1801 màu hồng, IMEI1: 868993037695878, IMEI2: 868993037695860 là tài sản của Hồ Ánh T;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, đen, IMEI1: 355812095634357, IMEI2: 35581309634355 là tài sản của Nguyễn Thị Hồng N;

- 01 (một) biển số xe mô tô số 60B5-449.63;

3. Định giá tài sản: Tại bản kết luận ngày 22/9/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A21S màu trắng đã qua sử dụng của chị Nguyễn Ngọc Anh M trị giá 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*);

- 08 thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 10 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 02 thẻ cào Vietnam Mobile mệnh giá 20.000 đồng, 05 thẻ cào Mobile mệnh giá 50.000 đồng, 06 thẻ cào Mobile mệnh giá 20.000 đồng (mới 100%) có tổng trị giá là 1.070.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng*).

4. Về trách nhiệm dân sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Anh M và chị Nguyễn Thị H các tài sản mà Hồ Ánh T và Nguyễn Thị Hồng N trộm cắp; Chị M và chị H đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

5. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

- Ngày 23/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02/2021/HSST-QĐ ngày 23/3/2021 để điều tra bổ sung về hành vi của Nguyễn Thị Hồng N có phải là đồng phạm hoặc có đủ yếu tố cấu thành tội phạm khác hay không;

- Ngày 20/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom ban hành Công văn số 348/CV-VKS-TB ngày 20/5/2021 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng số 37/CT-VKS-TB ngày 02 tháng 02 năm 2021.

6. Truy tố:

Tại bản Cáo trạng số: 37/CT-VKS-TB ngày 02 tháng 02 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Hồ Ánh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Ánh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2020/QĐ-CA ngày 26/5/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định pháp luật.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe mô tô số 60B5-449.63.

- Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Bị hại, người làm chứng đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra đồng thời bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Hồ Ánh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo là tự nguyện, khách quan và phù hợp với biên bản ghi lại sự việc, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có đủ cơ sở để xác định, khoảng 12 giờ 00 phút ngày 27/8/2020, tại tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Ngọc Anh M thuộc ấp H, xã Đ1, huyện T, tỉnh Đ; Hồ Ánh T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung A21S màu trắng trị giá 2.500.000 đồng của chị Nguyễn Ngọc Anh M khi chưa chấp hành hình phạt tại bản án số 13/2014/HSST ngày 27/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước và bản án số 38/2019/HS-ST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Hành vi của Hồ Ánh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nhận thấy:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi đang có thai, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình và phải nuôi dưỡng 05 con trong đó con nhỏ nhất mới sinh năm 2019; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã 02 lần bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa chấp hành hình phạt mà lại tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Đồng thời, tổng hợp hình phạt tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2020/QĐ-CA ngày 26/5/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 bản án. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây ra thiệt hại, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bản thân bị cáo bị hạn chế về nhận thức pháp luật do không biết chữ; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và là lao động duy nhất trong gia đình, phải nuôi dưỡng 05 con, trong đó có con nhỏ nhất mới sinh năm 2019. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo trong vụ án này, tạo điều kiện cho bị cáo

sớm được tái hòa nhập cộng đồng để nuôi dạy chăm sóc các con, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 60B2-669.47; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S màu trắng gắn sim số 0964.455.597; Số tiền 269.000 đồng và 31 thẻ cào nhiều mệnh giá; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh, xám và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 1801 màu hồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, đen Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe mô tô số 60B5-449.63.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại chị Nguyễn Ngọc Anh M đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì, không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự nên không xem xét.

[7] Hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Thị Hồng N không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trảng Bom đã xử phạt vi phạm hành chính đối với N là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với các nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Hồ Ánh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Hồ Ánh T 02 (Hai) năm tù;

Tổng hợp hình phạt của Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2020/QĐ-CA ngày 26/5/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 11 (Mười một) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị áp giải thi hành án phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe mô tô số 60B5-449.63 (*Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom*).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hồ Ánh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh